



gāng bǐ

钢笔

Noun · fountain pen

Example Sentences

zhè zhī gāng bǐ hěn hǎo xiě
这支钢笔很好写。

This fountain pen writes very well

wǒ yòng gāng bǐ qiān shǔ zhòng yào wén jiàn
我用钢笔签署重要文件。

I use a pen to sign important documents

wǒ kě yǐ yòng qiān bǐ dài tì gāng bǐ xiě zì
我可以用铅笔代替钢笔写字。

I can use a pencil instead of a pen to write.

Trace each character, then write the word on your own.

钢	钢	钢	钢	钢	钢	钢	钢	钢	钢	钢
钢										

笔	笔	笔	笔	笔	笔	笔	笔	笔	笔	笔
笔	笔									